

Bản tin Phân tích kỹ thuật

20/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GB000 tăng mạnh nhưng hợp đồng vẫn đóng cửa dưới kháng cự 1.851 điểm, chưa đủ điều kiện để mở rộng nhịp tăng. Dự báo hợp đồng sẽ tiếp cận khu vực 1.860 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa trên kháng cự nêu trên. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua nếu thỏa điều kiện trên và dừng lỗ tại ngưỡng 1.846 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.851 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.860 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.846 điểm

Quan điểm kỹ thuật

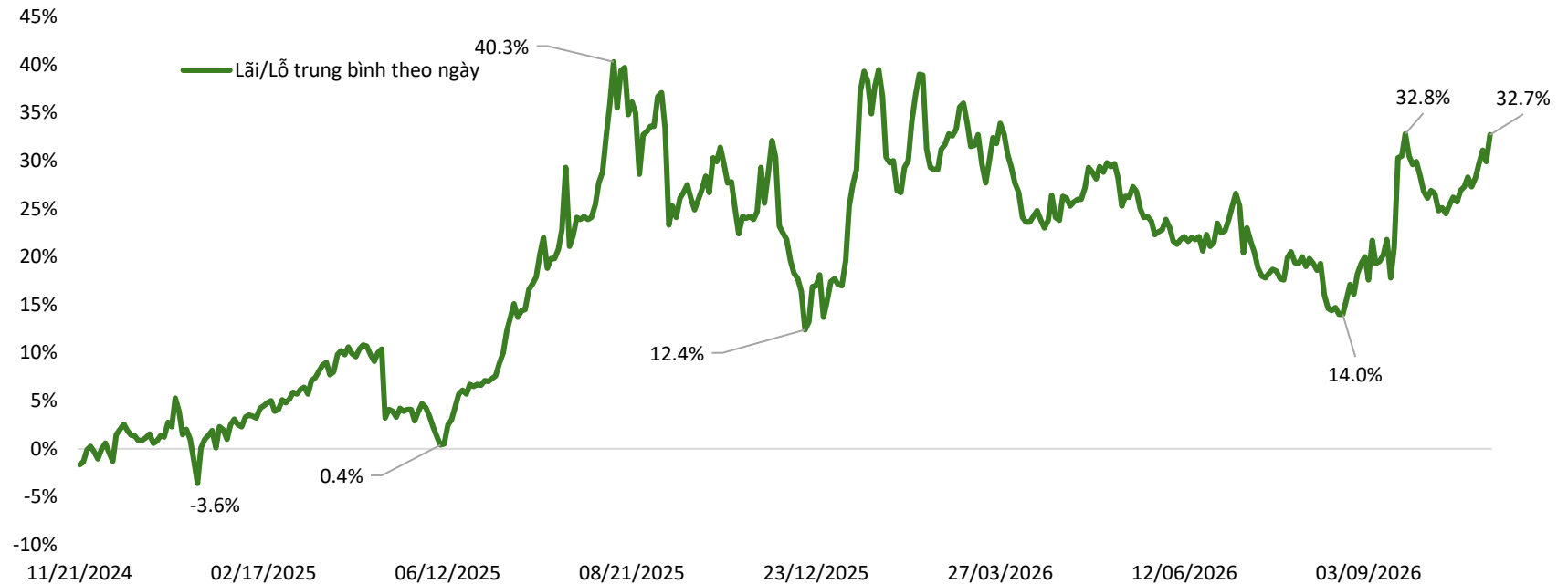


- VN-Index thu hẹp hoàn toàn đà giảm khi tiếp cận khu vực 1.675 điểm, nhờ nhóm Vingroup và Ngân hàng hồi phục từ vùng giá thấp. So với phiên 19/10, lực cầu mở rộng tại nhóm Vật liệu, Công nghiệp và Dịch vụ Tiện ích, đồng thời duy trì tương đối ổn định tại Bán lẻ và Tiêu dùng. Đáng chú ý, áp lực bán tại nhóm Ngân hàng cũng có phần thuyên giảm.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vẫn chịu ảnh hưởng của đà điều chỉnh với kháng cự gần tại vùng 1.700 điểm. Nếu vượt khu vực này, mục tiêu tiếp theo của chỉ số sẽ là 1.715 điểm. Hỗ trợ gần nằm tại vùng 1.675 điểm trong phiên 21/10.
- Đánh giá vi mô thị trường, diễn biến giữa các nhóm ngành và phân khúc vốn hóa tiếp tục phân hóa mạnh. Điểm số vẫn chịu tác động từ một số cổ phiếu dẫn dắt, trong khi phần còn lại của thị trường đã cải thiện liên tiếp trong ba phiên gần đây. Do đó, dù kịch bản điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế, tín hiệu hiện tại chưa cho thấy rủi ro giảm mạnh trên diện rộng. Áp lực lên VN-Index nhiều khả năng vẫn tập trung tại một số cổ phiếu có ảnh hưởng lớn, trong khi trạng thái chung của thị trường ổn định hơn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HDB	08/10/2026	20/10/2026	Chốt lãi	22,000	21,540	2.1%	20,800	23,600	22,000	
MSB	08/10/2026		Đang mở	15,000	14,500	3.4%	14,000	15,900	14,500	
HPG	08/10/2026		Đang mở	21,100	20,200	4.5%	19,600	21,500	20,300	
NLG	13/10/2026		Đang mở	21,400	21,700	-1.4%	21,300	23,700	20,500	
CTD	13/10/2026		Đang mở	66,000	62,000	6.5%	60,000	68,000	62,500	
VCG	13/10/2026	20/10/2026	Chốt lãi	15,500	13,900	11.5%	13,000	15,500	13,900	
SHB	15/10/2026		Đang mở	10,550	10,200	3.4%	9,800	11,300	10,200	
CSV	16/10/2026		Đang mở	23,750	22,850	3.9%	22,000	25,000	23,800	
LAS	15/10/2026		Đang mở	12,000	11,600	3.4%	11,000	13,500		
ANV	15/10/2026		Đang mở	18,900	18,450	2.4%	17,500	21,400		
DXG	16/10/2026		Đang mở	10,250	10,000	2.5%	9,500	11,000		
CEO	16/10/2026		Đang mở	11,000	10,800	1.9%	10,000	12,500		
HCM	16/10/2026		Đang mở	23,900	23,750	0.6%	22,500	25,500		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	57,800	-4.15%	-10.25%	474,817	-4.201	9,730	1.8	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	209,000	0.97%	-5.86%	1,622,297	3.345	2,751	9.5	76.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	33,950	2.11%	3.03%	240,578	1.081	3,829	1.3	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	21,100	2.68%	3.18%	178,147	1.017	2,750	1.3	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDB	22,100	-2.86%	-4.33%	143,802	-0.877	2,983	1.7	7.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	55,800	-0.71%	-0.89%	466,247	-0.708	4,984	1.9	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	40,900	4.34%	7.21%	42,332	0.392	1,881	1.9	21.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GVR	31,800	1.44%	-1.70%	127,200	0.390	1,751	2.1	18.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,600	1.66%	3.52%	107,484	0.380	4,627	2.7	15.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	37,850	-1.56%	-3.69%	113,069	-0.377	3,780	2.6	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	21,100	-6.22%	-7.05%	19,721	-0.262	917	1.7	23.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	74,900	0.94%	0.13%	110,529	0.223	6,660	3.1	11.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
STB	62,300	0.81%	-5.03%	117,449	0.203	1,634	1.9	38.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	20,850	-1.42%	2.46%	64,875	-0.196	1,555	6.9	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
POW	12,500	2.04%	-0.40%	38,348	0.167	2,049	0.9	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	98,300	-1.70%	-8.81%	37,845	-0.071	395	7.5	248.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	13,500	1.50%	-9.40%	39,483	0.066	132	2.8	102.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	35,200	3.83%	2.62%	14,694	0.062	5,201	2.2	6.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	73,800	-0.54%	-1.47%	66,404	-0.040	16,970	3.1	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	10,300	-2.83%	-2.83%	11,871	-0.037	1,044	0.9	9.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	118,700	0.68%	3.67%	35,610	0.027	11,734	5.4	10.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVI	61,000	-1.29%	-0.49%	15,718	-0.022	5,142	1.7	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	10,300	-2.83%	-2.83%	7,033	-0.022	1,245	0.8	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIT	26,000	8.79%	8.79%	2,075	0.020	1,546	2.4	16.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	32,000	0.63%	-3.03%	19,638	0.014	3,432	1.3	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CC1	33,300	-10.72%	2.46%	16,596	-0.421	545	3.7	61.1	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	61,500	1.99%	-2.38%	73,404	0.346	2,341	4.8	26.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGI	76,500	0.26%	-1.03%	231,567	0.144	4,047	6.1	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	65,100	-0.61%	3.50%	72,006	-0.104	2,207	5.0	29.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	10,300	6.19%	6.19%	6,801	0.100	1,160	0.7	8.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VUA	14,000	14.75%	-12.50%	2,800	0.098	616	1.4	22.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
SEA	54,500	-5.71%	-4.39%	6,769	-0.091	1,535	2.7	35.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	78,800	2.87%	5.07%	13,041	0.089	4,159	1.8	18.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	41,200	-0.24%	1.23%	146,564	-0.084	3,104	2.0	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PCB	9,100	-4.21%	9.64%	8,238	-0.082	1,710	0.6	5.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

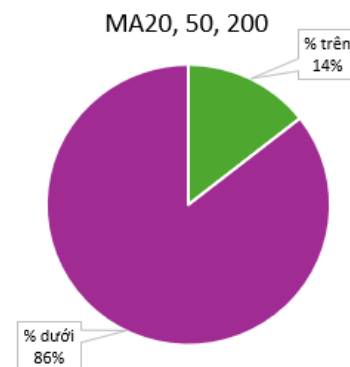
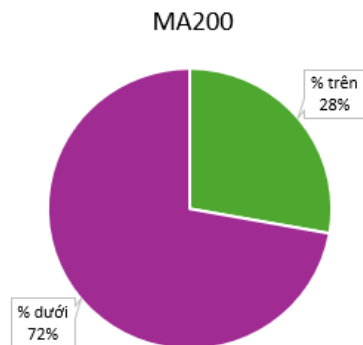
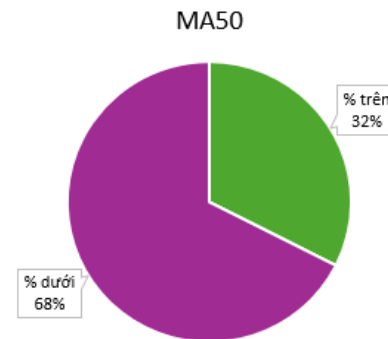
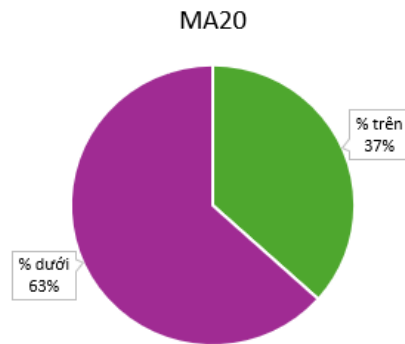
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSB	15,000	1.4%	170.9	139.4	9,000	14,800	1.2	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CLI	30,300	0.3%	11.4	3.9	22,452	30,200	0.0	0.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DSE	19,200	-6.6%	26.8	11.5	20,550	25,200	1.5	30.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	39,000	-2.7%	21.2	5.4	40,100	54,252	2.4	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ASM	4,470	-3.2%	6.3	1.4	4,590	7,250	0.3	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CAR	38,500	10.0%	8.4	1.6	13,500	47,500	3.7	87.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	10,050	0.0%	34.7	13.9	9,044	11,783	0.9	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DPG	29,500	6.9%	37.0	9.2	25,900	48,561	1.2	8.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			20/10/2026	19/10/2026	16/10/2026	15/10/2026	14/10/2026	13/10/2026	12/10/2026	09/10/2026
VNINDEX	MA200	Trên	24%	22%	22%	22%	22%	22%	22%	23%
		Dưới	76%	78%	78%	78%	78%	78%	78%	77%
	MA50	Trên	35%	33%	30%	28%	29%	28%	31%	30%
		Dưới	65%	67%	70%	72%	71%	72%	69%	70%
	MA20	Trên	46%	42%	38%	32%	31%	31%	36%	31%
		Dưới	54%	58%	62%	68%	69%	69%	64%	69%
VN30	MA200	Trên	23%	20%	20%	20%	20%	20%	23%	30%
		Dưới	77%	80%	80%	80%	80%	80%	77%	70%
	MA50	Trên	23%	30%	23%	20%	30%	33%	33%	40%
		Dưới	77%	70%	77%	80%	70%	67%	67%	60%
	MA20	Trên	37%	33%	30%	20%	23%	20%	27%	30%
		Dưới	63%	67%	70%	80%	77%	80%	73%	70%
HNX	MA200	Trên	27%	26%	27%	26%	26%	25%	28%	27%
		Dưới	73%	74%	73%	74%	74%	75%	72%	73%
	MA50	Trên	37%	36%	35%	34%	33%	32%	36%	35%
		Dưới	63%	64%	65%	66%	67%	68%	64%	65%
	MA20	Trên	27%	26%	27%	26%	26%	25%	28%	27%
		Dưới	73%	74%	73%	74%	74%	75%	72%	73%
UPCOM	MA200	Trên	31%	31%	29%	28%	28%	27%	29%	29%
		Dưới	69%	69%	71%	72%	72%	73%	71%	71%
	MA50	Trên	30%	31%	30%	28%	29%	28%	29%	29%
		Dưới	70%	69%	70%	72%	71%	72%	71%	71%
	MA20	Trên	30%	30%	30%	30%	31%	31%	31%	31%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	69%	69%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	15	Tháng 10														Tháng 9						
		20 ↓	19	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	
📌	1	Bán lẻ	85	83	78	76	80	86	87	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71
📌	2	Tài nguyên Cơ bản	71	68	66	61	62	57	60	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49
📌	3	Hàng & Dịch vụ Côn...	70	67	64	65	66	67	68	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60
	4	Hóa chất	63	58	54	55	59	58	62	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59
	5	Hàng cá nhân & Gia ...	56	54	52	54	54	53	55	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37
	6	Xây dựng và Vật liệu	53	48	48	48	43	41	43	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35
📌	7	Thực phẩm và đồ ướ...	49	46	47	46	46	46	51	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43
	8	Ngân hàng	46	46	46	43	42	40	39	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55
📌	9	Điện, nước & xăng d...	38	38	47	45	48	49	50	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54
📌	10	Dầu khí	36	35	30	32	44	45	54	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73
	11	Dịch vụ tài chính	35	28	26	25	18	17	18	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30
	12	Bất động sản	32	29	28	26	24	25	25	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31
📌	13	Du lịch và Giải trí	32	34	32	29	31	33	37	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46
	14	Ô tô và phụ tùng	31	30	25	28	28	28	28	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36
	15	Công nghệ Thông tin	13	12	13	13	11	10	10	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCB	33,950	2.1%	3.0%	240,578	1.3	8.9	3,829	1,021.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	15,000	1.4%	3.4%	56,160	1.2	9.5	1,573	170.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	55,000	1.9%	4.8%	35,714	2.6	13.8	3,992	139.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	13,700	1.5%	3.0%	8,548	1.1	16.7	822	42.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PCB	9,100	-4.2%	9.6%	8,238	0.6	5.4	1,710	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NT2	24,100	3.2%	4.8%	6,938	1.4	5.5	4,359	79.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	10,300	6.2%	6.2%	6,801	0.7	8.7	1,160	18.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TLG	56,900	2.2%	3.1%	5,492	2.2	11.9	4,776	19.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	51,100	-1.7%	8.7%	3,732	2.5	-1,654.4	-31	8.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CLI	30,300	0.3%	9.4%	3,331	0.0	0.0	0	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNG	19,000	2.7%	6.1%	2,446	1.2	5.2	3,692	37.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DXP	15,500	3.3%	2.6%	929	0.9	4.8	3,206	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	73,600	1.7%	3.5%	107,484	2.7	15.9	4,627	312.0	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	39,000	0.0%	1.3%	51,809	2.2	6.7	5,818	43.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	118,700	0.7%	3.7%	35,610	5.4	10.1	11,734	5.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FRT	149,400	2.3%	3.9%	26,715	5.6	23.5	6,359	39.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VGC	44,900	1.5%	3.7%	20,131	2.4	14.1	3,174	22.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DHC	38,150	0.9%	3.7%	4,053	1.6	7.4	5,172	7.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
AAS	10,300	0.0%	4.0%	2,345	0.9	71.6	142	66.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDA	9,900	7.6%	3.1%	301	0.9	11.5	858	8.1	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	57,800	-4.1%	-10.2%	474,817	1.8	5.9	9,730	747.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	62,300	0.8%	-5.0%	117,449	1.9	38.1	1,634	260.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	21,100	-6.2%	-7.0%	19,721	1.7	23.0	917	61.1	Tiêu cực	-9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DSE	19,200	-6.6%	-9.4%	8,222	1.5	30.4	631	26.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	39,000	-2.7%	-7.9%	3,740	2.4	5.3	7,381	21.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCM	25,100	-5.3%	-5.6%	2,761	1.2	10.6	2,371	6.0	Tiêu cực	-9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ASM	4,470	-3.2%	-4.5%	1,820	0.3	12.8	348	6.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	55,800	-0.7%	-0.9%	466,247	1.9	11.2	4,984	204.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	76,400	-0.4%	-2.7%	184,349	2.7	14.5	5,269	21.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	20,250	0.0%	-1.0%	117,540	1.2	7.5	2,701	102.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
LPB	37,850	-1.6%	-3.7%	113,069	2.6	10.0	3,780	55.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,400	0.5%	2.0%	108,241	2.7	10.8	5,324	199.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	127,400	-0.1%	-0.6%	97,982	3.7	45.0	2,830	220.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	73,800	-0.5%	-1.5%	66,404	3.1	4.4	16,970	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	35,100	-0.1%	-2.2%	45,415	1.8	13.9	2,524	100.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	22,750	0.0%	-0.2%	42,656	1.2	7.9	2,884	11.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	12,900	0.0%	-2.3%	13,367	1.3	21.9	591	5.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	137,500	-0.4%	-2.9%	11,256	3.6	9.0	15,292	13.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	23,100	-0.4%	-0.4%	3,437	2.2	48.1	480	51.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTZ	20,200	0.0%	0.0%	1,538	1.7	22.7	890	11.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	19,750	6.76%	2.86%	42,900	131.9%	4,780	0.8	4.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,450	0.97%	1.46%	21,400	106.8%	2,909	0.8	3.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	14,150	0.00%	4.81%	28,800	103.5%	1,424	0.9	9.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STK	7,900	0.00%	1.15%	16,000	102.5%	(354)	0.7	-22.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	14,850	0.00%	1.37%	28,700	93.3%	2,298	0.9	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	74,900	0.94%	0.13%	140,000	88.7%	6,660	3.1	11.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	22,750	0.00%	2.94%	40,500	78.0%	1,049	1.5	21.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	29,500	6.88%	8.66%	48,900	77.2%	3,530	1.2	8.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	75,200	0.53%	-0.79%	130,600	74.6%	5,081	5.4	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	55,800	-0.71%	6.49%	98,000	74.4%	4,974	3.1	11.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	30,100	0.67%	1.69%	52,000	73.9%	5,852	0.8	5.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	21,400	0.00%	-1.15%	36,800	72.0%	1,407	0.8	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,850	1.09%	0.36%	23,100	68.6%	1,976	0.7	7.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,450	-0.16%	3.57%	48,800	60.0%	5,172	1.2	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	33,650	1.97%	2.28%	52,100	57.9%	5,603	0.8	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	47,350	2.27%	3.38%	71,800	55.1%	2,199	4.1	21.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	23,350	1.30%	2.64%	35,600	54.4%	3,191	1.1	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,600	4.35%	11.34%	31,900	54.1%	1,850	1.2	11.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVS	32,000	0.63%	-3.03%	49,000	54.1%	3,432	1.3	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	35,200	3.83%	2.62%	51,200	51.0%	5,201	2.2	6.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn